

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ ĐỘNG HÓA METALINK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ ĐỘNG HÓA METALINK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: METALINK AUTOMATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109838110

**3. Ngày thành lập:** 30/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 7 tòa nhà Văn phòng Việt Á, số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02462666699

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí           | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                  | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                  | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                             | 4390        |
| 5.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                             | 4511        |
| 6.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                  | 4520        |
| 7.  | Bán mô tô, xe máy                                                               | 4541        |
| 8.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                             | 4542        |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn thuốc)                      | 4649        |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                             | 4651        |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                              | 4652(Chính) |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                          | 4653        |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                 | 4659        |
| 14. | Lập trình máy vi tính                                                           | 6201        |
| 15. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                             | 6202        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính | 6209        |
| 17. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                      | 2610        |
| 18. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                       | 2620        |
| 19. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                  | 2630        |
| 20. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                              | 2640        |

|     |                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                | 2651 |
| 22. | Sản xuất đồng hồ                                                                              | 2652 |
| 23. | Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp                        | 2660 |
| 24. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                        | 2670 |
| 25. | Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học                                                       | 2680 |
| 26. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                | 2710 |
| 27. | Sản xuất pin và ắc quy                                                                        | 2720 |
| 28. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                     | 2750 |
| 29. | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)                        | 2811 |
| 30. | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                | 2812 |
| 31. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                    | 2813 |
| 32. | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                  | 2814 |
| 33. | Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung                                                        | 2815 |
| 34. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                     | 2816 |
| 35. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) | 2817 |
| 36. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                         | 2818 |
| 37. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                  | 2819 |
| 38. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                        | 2821 |
| 39. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                 | 2822 |
| 40. | Sản xuất máy luyện kim                                                                        | 2823 |
| 41. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                         | 2824 |
| 42. | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                          | 2825 |
| 43. | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da                                                         | 2826 |
| 44. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                 | 2829 |
| 45. | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác                                                           | 2910 |
| 46. | Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc                           | 2920 |
| 47. | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác                        | 2930 |
| 48. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản)                                                 | 5820 |
| 49. | Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật                                                    | 3092 |
| 50. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                 | 3100 |
| 51. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                        | 3311 |
| 52. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                    | 3312 |
| 53. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                        | 3313 |

|     |                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 54. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                    | 3314 |
| 55. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) | 3315 |
| 56. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                    | 3319 |
| 57. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                   | 3320 |
| 58. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                         | 4312 |
| 59. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                     | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 400.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 40.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                  | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HUỖNH QUANG DUY | 1C/A7 Ngõ 8 Quang Trung, TDP 6, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 22.000     | 220.000.000           | 55,000    | 001092013077                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Tổng số                   | 22.000     | 220.000.000           | 55,000    |                                                                                             |         |

|   |                         |                                                                                                        |                                    |        |             |        |                  |  |
|---|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|--|
| 2 | HUỖNH<br>QUANG MINH     | 1C/A7 Ngõ 8<br>Quang Trung,<br>TDP 6, Phường<br>La Khê, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.000  | 20.000.000  | 5,000  | 0012030443<br>72 |  |
|   |                         |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                         |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                         |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                         |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                         |                                                                                                        | Tổng số                            | 2.000  | 20.000.000  | 5,000  |                  |  |
|   |                         |                                                                                                        |                                    |        |             |        |                  |  |
| 3 | NGUYỄN<br>XUÂN<br>THÀNH | Thôn Đại Điền,<br>Xã Hoàng Xuân,<br>Huyện Hoàng<br>Hoá, Tỉnh Thanh<br>Hoá, Việt Nam                    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 16.000 | 160.000.000 | 40,000 | 0380910281<br>03 |  |
|   |                         |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                         |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                         |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                         |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                         |                                                                                                        | Tổng số                            | 16.000 | 160.000.000 | 40,000 |                  |  |
|   |                         |                                                                                                        |                                    |        |             |        |                  |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HUỲNH QUANG DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 04/06/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001092013077

Ngày cấp: 01/06/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về Dân cư

Địa chỉ thường trú: *1C/A7 Ngõ 8 Quang Trung, TDP 6, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *1C/A7 Ngõ 8 Quang Trung, TDP 6, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội